

BẢN SAO

M.S.C.V.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - VINACOMIN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực...2...3...9...2...Quyển số..0...1SCT/BS
Ngày..3..0..tháng1..0...năm 20..0..1..5



PHÓ CHỦ TỊCH
Dương Chí Đông

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
2. Báo cáo kiểm toán	4
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin (sau đây gọi là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin được thành lập theo Quyết định số 2325/QĐ-HĐTV ngày 28/9/2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin trên cơ sở tổ chức lại Công ty thăm dò khai thác khoáng sản 109 - TKV và Xí nghiệp thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI.

Công ty đã hoàn tất việc đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV đăng ký lần đầu vào ngày 05/10/2010 với mã số doanh nghiệp là 0104944595. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ đã được Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 vào ngày 19/12/2011.

2. Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc

Chủ tịch Công ty và các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Đức Long	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc (i)
- Ông Nguyễn Văn Tất	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc (i)
- Ông Nguyễn Vũ Hải	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Danh Tuyên	Phó Giám đốc (ii)

(i) Ông Lê Đức Long được bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty thay Ông Nguyễn Văn Tất từ ngày 01/11/2012 theo Quyết định số 2358/QĐ-Vinacomin ngày 31/10/2012 của tập đoàn Công nghiệp than-khoáng sản Việt Nam.

(ii) Ông Nguyễn Danh Tuyên được bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Công ty từ ngày 01/02/2012 theo Quyết định số 06/QĐ-VBG ngày 01/02/2012 của Chủ tịch Công ty.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số nhà 30B, phố Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước; hoạt động đo đạc bản đồ; hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

AA07
CHI
CƠ
TINH
KIỂM
SỐ V
TÀI
/CH

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (đổi tên từ Công ty TNHH BDO Việt Nam) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

8. Ý kiến của Ban giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2013

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC





Số: 65/2013/BCKT - AFC

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin được lập ngày 21/3/2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 5 đến trang 27 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam



Nguyễn Như Tiến
Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
Chứng chỉ KTV số: 0449/KTV

Nguyễn Hồng Quang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0576/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		162.721.187.441	153.772.929.057
Tiền và tương đương tiền	110		12.337.655.079	9.212.054.752
Tiền	111	5.1	12.337.655.079	9.212.054.752
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.050.910.481	124.405.309.220
Phải thu khách hàng	131		131.359.461.383	124.576.492.839
Trả trước cho người bán	132		3.238.827.379	753.957.395
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		110.171.600	-
Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.204.612.586	1.304.462.455
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.862.162.467)	(2.229.603.469)
Hàng tồn kho	140		14.726.337.341	15.791.970.490
Hàng tồn kho	141	5.3	14.726.337.341	15.791.970.490
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.606.284.540	4.363.594.595
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		461.706.140	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		101.566	101.566
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.144.476.834	4.363.493.029
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.609.367.389	51.274.527.297
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		56.296.181.007	50.638.604.015
Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	55.767.215.890	50.512.342.613
- Nguyên giá	222		99.421.404.593	77.563.792.232
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(43.654.188.703)	(27.051.449.619)
Tài sản cố định vô hình	227	5.5	52.511.154	126.261.402
- Nguyên giá	228		595.169.155	595.169.155
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(542.658.001)	(468.907.753)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.6	476.453.963	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		313.186.382	635.923.282
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	313.186.382	635.923.282
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
CỘNG TÀI SẢN	270		219.330.554.830	205.047.456.354

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
NỢ PHẢI TRẢ	300		132.743.328.040	129.640.338.511
Nợ ngắn hạn	310		121.655.316.470	122.738.469.630
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	39.396.047.030	33.689.394.673
Phải trả người bán	312		27.809.206.539	28.142.540.244
Người mua trả tiền trước	313		333.102.219	1.901.546.619
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	10.380.094.419	9.438.760.716
Phải trả người lao động	315		27.536.487.082	33.692.331.150
Chi phí phải trả	316		380.212.049	671.111.111
Phải trả nội bộ	317		-	583.638.438
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	13.121.287.970	10.447.838.538
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.698.879.162	4.171.308.141
Nợ dài hạn	330		11.088.011.570	6.901.868.881
Vay và nợ dài hạn	334	5.11	11.088.011.570	6.059.904.902
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	841.963.979
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76.639.459.254	65.942.098.011
Vốn chủ sở hữu	410	5.12	76.629.459.240	65.912.098.005
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.000.000.000	43.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.108.945.625	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		26.652.246.542	21.138.324.140
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.868.267.073	1.773.773.865
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		10.000.014	30.000.006
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		10.000.014	30.000.006
Lợi ích cổ đông thiểu số			9.947.767.536	9.465.019.832
CỘNG NGUỒN VỐN	440		219.330.554.830	205.047.456.354

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	321.696.079.120	336.291.252.433
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		321.696.079.120	336.291.252.433
Giá vốn hàng bán	11	6.2	264.546.595.078	275.477.517.426
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.149.484.042	60.813.735.007
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	478.456.136	765.743.076
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	5.155.101.047	6.790.495.892
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.988.137.247	5.733.375.184
Chi phí bán hàng	24		2.724.462.054	2.962.600.964
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		39.213.172.881	36.216.607.721
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.535.204.196	15.609.773.506
Thu nhập khác	31		1.456.251.249	597.383.843
Chi phí khác	32		79.591.316	476.578.177
Lợi nhuận khác	40		1.376.659.933	120.805.666
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.911.864.129	15.730.579.172
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	2.642.836.010	3.980.926.833
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.269.028.119	11.749.652.339
LN sau thuế của cổ đông thiểu số			2.213.006.097	1.884.152.067
LN sau thuế của cổ đông công ty mẹ			7.056.022.022	9.865.500.272

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đỗ Thị Minh Nguyệt

GIÁM ĐỐC



Lê Đức Long

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM - VINACOMIN
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	11.911.864.129	15.730.579.172
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	18.024.543.732	7.614.732.013
- Các khoản dự phòng	03	632.558.998	1.285.779.918
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(478.456.136)	-
- Chi phí lãi vay	06	4.988.137.247	5.733.375.184
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	35.078.647.970	30.364.466.287
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9.702.036.380)	14.350.712.581
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.065.633.149	17.884.578.232
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TN phải nộp)	11	(3.383.174.807)	(43.212.298.910)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(138.969.240)	(29.719.234)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.394.747.043)	(5.785.141.428)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.466.786.711)	(3.861.667.909)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	10.153.206.040	10.134.784.486
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6.704.769.425)	(2.346.263.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.507.003.553	17.499.450.651
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(23.321.880.603)	(33.376.365.724)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	338.982.216	-
Tiền chi từ cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu từ cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	478.456.136	185.775.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.504.442.251)	(33.190.589.990)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu	31	-	12.702.038.146
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	87.682.167.290	80.601.152.761
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(76.947.408.265)	(83.751.004.975)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.611.720.000)	(1.989.390.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.123.039.025	7.562.795.332
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	3.125.600.327	(8.128.344.007)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.212.054.752	17.340.398.759
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.337.655.079	9.212.054.752

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Handwritten signature)

Đỗ Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2013

GIAM ĐỐC



Lê Đức Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin được thành lập theo Quyết định số 2325/QĐ-HĐTV ngày 28/9/2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin trên cơ sở tổ chức lại Công ty thăm dò khai thác khoáng sản 109 - TKV và Xí nghiệp thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI.

Công ty đã hoàn tất việc đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV đăng ký lần đầu vào ngày 05/10/2010 với mã số doanh nghiệp là 0104944595. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 vào ngày 19/12/2011. Theo đó, ngành nghề kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước;
- Hoạt động đo đạc bản đồ;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: lập phương án thăm dò, phương án thi công các công trình địa chất, lập báo cáo địa chất, lập bản đồ các loại;
- Đánh giá tác động môi trường các công trình: khai thác mỏ, dân dụng, công nghiệp;
- Khai thác khoáng sản (ngoài than);
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ, xây dựng công trình dân dụng;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: xây dựng, xử lý nền móng công trình, xây dựng hệ thống xử lý nước công nghiệp và dân sinh;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị khai khoáng;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất máy móc, thiết bị chuyên dùng: thiết bị khoan và thăm dò địa chất;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Tại ngày 31/12/2012, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin ngoài văn phòng chính còn có 01 đơn vị phụ thuộc và 01 Công ty con, cụ thể:

- Văn phòng Công ty mẹ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP Hà Nội
- Đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp địa chất 109, địa chỉ xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
- Công ty con: Công ty cổ phần khoan và dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ, địa chỉ số 6, ngõ Chùa Nền, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ là công ty con do Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty con trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày

CHỖ
CÓ
NH
KIẾP
C V
TẠI
GI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 90 ngày, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào bình quân của các Ngân hàng thương mại tại ngày kết thúc năm tài chính được thông báo bởi Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin theo công văn số 29/Vinacomin - KT ngày 03/01/2013. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bình quân gia quyền
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định căn cứ vào khối lượng công việc đã thực hiện chưa được nghiệm thu, đơn giá sử dụng để ghi nhận doanh thu và tỷ lệ đánh giá sản phẩm dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài

15-01
HÀNH
TY
KHU
TOÁN
T N
NỘ
- T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn của Công ty là các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong vòng 1 năm. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 12 tháng kể từ khi phát sinh.

4.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.7.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Trong năm 2012, Công ty đang thực hiện khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định làm cho chi phí khấu hao trong năm 2012 của Công ty tăng lên là 4.297.131.609 đồng. Như vậy, nếu mức trích khấu hao của các tài sản nêu trên không thay đổi so với năm trước thì chỉ phí sản xuất kinh doanh trong năm 2012 của Công ty sẽ giảm đi với số tiền tương ứng và lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên số tiền tương ứng.

4.7.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

4.8 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ 1 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 02 năm kể từ khi phát sinh.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty thuộc Nhà nước sở hữu do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam quản lý.

Nguồn vốn kinh doanh được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp, nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận hàng năm.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

(i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

(ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

(iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

1/2012
CHI
CUI
H H
KIE
C V
AI
/

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	401.354.697	722.396.030
Tiền gửi ngân hàng (ii)	11.936.300.382	8.489.658.722
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>12.337.655.079</u>	<u>9.212.054.752</u>

(i) Số dư tiền mặt vào ngày 31/12/2012 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam	401.354.697
+ Văn phòng Công ty	198.064.016
+ Xí nghiệp địa chất 109	160.773.754
+ Công ty cổ phần	42.516.927
Cộng	<u>401.354.697</u>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2012 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam	11.936.300.382
+ Văn phòng Công ty	2.765.079.067
+ Xí nghiệp địa chất 109	1.829.834.435
+ Công ty cổ phần	7.341.386.880
Cộng	<u>11.936.300.382</u>

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	(VND)	(VND)
BHXH, BHYT phải thu CBCNV	158.486.783	13.867.516
BHXH phải thu cơ quan bảo hiểm	349.167.274	438.003.450
Tiền điện, nước, bảo vệ phải thu	-	18.569.183
Phải thu khác	696.958.529	834.022.306
Cộng	<u>1.204.612.586</u>	<u>1.304.462.455</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

5.3 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.876.630.202	5.331.676.175
Công cụ, dụng cụ	487.720.945	1.312.375.315
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.964.357.725	1.852.701.717
Thành phẩm	-	-
Hàng hoá	7.397.628.469	7.295.217.283
Hàng gửi bán	-	-
Cộng	<u>14.726.337.341</u>	<u>15.791.970.490</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

5.4 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	1.955.802.304	65.269.131.608	9.632.428.168	652.987.829	53.442.323	77.563.792.232
- Nhận bàn giao	17.187.160	2.177.292.072	766.947.272	-	-	2.961.426.504
- Mua trong năm	-	18.185.501.939	614.629.091	38.090.909	-	18.838.221.939
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.385.479.433	-	-	-	-	1.385.479.433
- Tặng khác	-	-	480.000	136.272.727	-	136.752.727
- Thanh lý, nhượng bán	(172.192.207)	(746.188.141)	(515.722.894)	(30.165.000)	-	(1.464.268.242)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.186.276.690	84.885.737.478	10.498.761.637	797.186.465	53.442.323	99.421.404.593
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	1.442.048.405	20.665.395.572	4.513.632.139	376.931.180	53.442.323	27.051.449.619
- Khấu hao trong năm	141.081.708	15.929.023.459	1.742.785.426	137.902.891	-	17.950.793.484
- Hao mòn trong năm	96.213.850	19.999.992	-	-	-	116.213.842
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(172.192.207)	(746.188.141)	(515.722.894)	(30.165.000)	-	(1.464.268.242)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.507.151.756	35.868.230.882	5.740.694.671	484.669.071	53.442.323	43.654.188.703
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	513.753.899	44.603.736.036	5.118.796.029	276.056.649	-	50.512.342.613
Tại ngày cuối năm	1.679.124.934	49.017.506.596	4.758.066.966	312.517.394	-	55.767.215.890
- Thế chấp, cầm cố						-
- Đã KH hết, đang sử dụng						7.431.471.882
- Chờ thanh lý						144.689.132



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

5.5 Tài sản cố định vô hình

	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	595.169.155	595.169.155
- Mua trong năm	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-
- Điều chuyển	-	-
- Tặng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Điều chuyển	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	595.169.155	595.169.155
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	468.907.753	468.907.753
- Khấu hao trong năm	73.750.248	73.750.248
- Hao mòn trong năm	-	-
- Tặng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	542.658.001	542.658.001
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	126.261.402	126.261.402
Tại ngày cuối năm	52.511.154	52.511.154

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
XD Nhà điều hành và trạm biến áp XN109	476.453.963	-
Cộng	476.453.963	-

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	298.624.183	-
Bảo hiểm xe ô tô	-	54.800.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.562.199	581.123.282
Cộng	313.186.382	635.923.282

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

5.8 Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Vay ngắn hạn	39.396.047.030	33.689.394.673
<i>Công ty TNHH MTV Tài chính Than</i> (i)	26.042.549.036	15.189.779.555
<i>Tập đoàn Vinacomin</i>	-	10.000.000.000
<i>Ngân hàng</i> (ii)	5.952.536.131	-
<i>Khác</i> (iii)	7.400.961.863	8.499.615.118
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>39.396.047.030</u>	<u>33.689.394.673</u>
<p>(i) Khoản vay Công ty TNHH MTV Tài chính Than - Khoáng sản Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 28/2012-KH1/CMF/TDHM ngày 25/7/2012 và 6 giấy nhận nợ với lãi suất từ 11% đến 12%/năm. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2012 là 26.042.549.036 đồng.</p> <p>(ii) Vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 03/5/2012 và 05 hợp đồng tín dụng cụ thể kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 11-12%/năm. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2012 là 1.850.763.901 đồng.</p> <p>Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng tín dụng số LD 1221900570 ngày 06/08/2012 thời hạn từ 06/08/2012 đến 06/02/2013, lãi suất 13,8%/năm. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2012 là 4.101.772.230 đồng</p> <p>(iii) Khoản vay ngắn hạn Bà Hoàng Thị Tâm gồm 02 hợp đồng kỳ hạn 6 tháng với lãi suất được điều chỉnh theo thông báo lãi suất vay ngắn hạn của Tập đoàn. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2012 là 50.961.863 đồng.</p> <p>Vay Cán bộ công nhân viên trong Công ty thời hạn vay từ 1 đến 12 tháng với lãi suất 13,5%/ năm. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2012 là 7.350.000.000 đồng.</p>		

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	8.470.986.793	6.601.863.868
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.831.408.431	2.655.359.132
Thuế thu nhập cá nhân	77.699.195	181.537.716
Thuế tài nguyên	-	-
Tiền thuê đất	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	<u>10.380.094.419</u>	<u>9.438.760.716</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Kinh phí công đoàn	999.846.701	1.161.559.382
Bảo hiểm xã hội, BHYT phải nộp	63.610.500	19.305.544
Phải trả CBCNV tiền ứng trước đi thực hiện CT	-	2.380.847.509
Phải trả Công ty CN Mỏ Việt Bắc	-	441.313.832
Phải trả khác (i)	<u>12.057.830.769</u>	<u>6.444.812.271</u>
Cộng	<u>13.121.287.970</u>	<u>10.447.838.538</u>

(i) Phải trả khác tại thời điểm 31/12/2012 gồm:

	<u>31/12/2012</u> (VND)
Tại Xí nghiệp 109	980.462.847
Tại Công ty cổ phần	3.501.406.658
Tại Văn phòng Công ty	<u>7.575.961.264</u>
Cộng	<u>12.057.830.769</u>

5.11 Vay và nợ dài hạn

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Vay dài hạn	11.088.011.570	6.059.904.902
Vay Công ty CNM Việt Bắc (i)	3.583.011.570	-
Vay Công ty Tài chính than (ii)	7.505.000.000	6.059.904.902
Nợ dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>11.088.011.570</u>	<u>6.059.904.902</u>

- (i) Khoản vay Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc - Vinacomin theo hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 01/HĐ-ĐCVB/2011 thời hạn từ 01/01/2011 đến 30/9/2014 với lãi suất thả nổi.
- (ii) Khoản vay Công ty TNHH MTV Tài chính Than theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 36/2012-KH1/CMF/TDTH thời hạn 5 năm và 1 giấy nhận nợ với lãi suất 15% (điều chỉnh hàng tháng hoặc hàng quý theo thông báo của bên cho vay).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

5.12 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ SH VND	Vốn khác của chủ SH VND	CL tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư cuối năm trước	30.297.961.854	-	-	5.171.205.973	703.107.293	-	36.172.275.120
Tăng vốn trong năm trước	12.702.038.146	-	-	27.611.967.275	-	-	40.314.005.421
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	11.749.652.339	11.749.652.339
Tăng khác	-	-	-	1.057.189.038	1.070.666.572	-	2.127.855.610
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(12.702.038.146)	-	(11.749.652.339)	(24.451.690.485)
Số dư cuối năm trước/ đầu năm nay	43.000.000.000	-	-	21.138.324.140	1.773.773.865	-	65.912.098.005
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	4.959.394.000	-	-	4.959.394.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	9.269.028.119	9.269.028.119
Tăng khác	-	4.108.945.625	-	554.528.402	1.094.493.208	-	5.757.967.235
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(9.269.028.119)	(9.269.028.119)
Số dư cuối năm nay	43.000.000.000	4.108.945.625	-	26.652.246.542	2.868.267.073	-	76.629.459.240

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Vốn đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	43.000.000.000	43.000.000.000
Vốn đầu tư của đối tượng khác	-	-
Cộng	<u>43.000.000.000</u>	<u>43.000.000.000</u>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<u>Năm 2012</u> (VND)	<u>Năm 2011</u> (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn đầu tư đầu năm	43.000.000.000	30.297.961.854
- Vốn đầu tư tăng trong năm	-	12.702.038.146
- Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
- Vốn đầu tư cuối năm	43.000.000.000	43.000.000.000

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	26.652.246.542	21.138.324.140
Quỹ dự phòng tài chính	2.868.267.073	1.773.773.865
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Doanh thu bán hàng	67.379.994.790	63.944.613.805
Doanh thu cung cấp dịch vụ	254.316.084.330	272.346.638.628
Cộng	321.696.079.120	336.291.252.433

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Giá vốn hàng bán	61.000.513.407	54.053.347.894
Giá vốn dịch vụ cung cấp	203.546.081.671	221.424.169.532
Cộng	264.546.595.078	275.477.517.426

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	474.602.676	754.811.363
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.853.460	10.931.713
Cộng	478.456.136	765.743.076

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Lãi tiền vay	4.988.137.247	5.733.375.184
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.040.316.838
Chi phí tài chính khác	166.963.800	16.803.870
Cộng	5.155.101.047	6.790.495.892

6.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 (VND)	Năm 2011 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.642.836.010	3.980.926.833
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
Cộng	2.642.836.010	3.980.926.833



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2012</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2011</u> <u>(VND)</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	131.586.554.005	126.499.872.467
Chi phí nhân công	94.923.191.100	93.196.616.135
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.024.543.732	7.594.732.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.018.975.479	46.271.248.671
Chi phí khác bằng tiền	25.379.725.254	28.655.041.983
Cộng	<u>311.932.989.570</u>	<u>302.217.511.275</u>

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Chi tiết giao dịch và số dư về các bên liên quan được thể hiện chi tiết tại các Bảng kê đính kèm.

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam (nay đổi tên thành công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam).

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đỗ Thị Minh Nguyệt



GIÁM ĐỐC

Lê Đức Long

00
ANH
TY
ANU
TOAN
NA
HỘI
TP

Địa chỉ: 30B Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

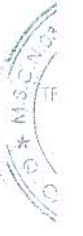
BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HÓA, THAN, DỊCH VỤ BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm 2012

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị mua	Đơn vị tính	Doanh thu			Giá vốn		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B		1	2	3	4	5	6
1	Công ty TNHH MTV Than Hạ Long - Vinacomin		-	-	2.504.461.847			
a	Vật tư hàng hóa		-	-	-			
b	Dịch vụ		-	-	2.504.461.847			
2	Cty TNHH MTV Địa chất mỏ - Vinacomin		-	-	35.214.180.280			
a	Vật tư hàng hóa		-	-	35.214.180.280			
b	Dịch vụ		-	-	-			
3	Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin		-	-	16.443.718.522			
a	Vật tư hàng hóa		-	-	-			
b	Dịch vụ		-	-	16.443.718.522			
4	Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai - Vinacomin		-	-	6.981.763.190			
a	Vật tư hàng hóa		-	-	-			
b	Dịch vụ		-	-	6.981.763.190			
5	Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin		-	-	21.598.924.446			
a	Vật tư hàng hóa		-	-	-			
b	Dịch vụ		-	-	21.598.924.446			
6	Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin		-	-	2.376.590.000			
a	Vật tư hàng hóa		-	-	2.376.590.000			
b	Dịch vụ		-	-	-			
7	Công ty TNHH MTV Than Ưng Bí - Vinacomin		-	-	7.152.187.978			
a	Vật tư hàng hóa		-	-	-			
b	Dịch vụ		-	-	7.152.187.978			
8	XN trắc địa bản đồ		-	-	230.876.000			
a	Vật tư hàng hóa		-	-	230.876.000			
b	Dịch vụ		-	-	-			
9	Xí nghiệp địa chất trắc địa Đông Triều		-	-	4.067.963.520			
a	Vật tư hàng hóa		-	-	4.067.963.520			
b	Dịch vụ		-	-	-			



TT	Tên đơn vị mua	Đơn vị tính	Doanh thu			Giá vốn		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B		1	2	3	4	5	6
10	Xí nghiệp địa chất Cẩm Phả				877.578.690			
a	Vật tư hàng hóa				877.578.690			
b	Dịch vụ				-			
11	Trung tâm XNK & HTĐT - VVMI				11.618.414.000			
a	Vật tư hàng hóa				11.618.414.000			
b	Dịch vụ				-			
12	Công ty CN Mỏ Việt Bắc				127.687.153			
a	Vật tư hàng hóa				127.687.153			
b	Dịch vụ				-			
13	Công ty Địa chất và khoáng sản - Vinacomin				102.137.457			
a	Vật tư hàng hóa				102.137.457			
b	Dịch vụ				-			
14	Công ty Đồng Tả Phời				2.603.383.985			
a	Vật tư hàng hóa				2.603.383.985			
b	Dịch vụ				-			
15	Công ty Cổ phần than Cao Sơn				182.503.636			
a	Vật tư hàng hóa				182.503.636			
b	Dịch vụ				-			
16	CN tập đoàn CN Than - KSS VN Công ty kho vận đá Bạc - Vinacomin				387.631.744			
a	Vật tư hàng hóa				387.631.744			
b	Dịch vụ				-			
17	Công ty nhiệt điện Na Dương-Vinacomin				141.545.455			
a	Vật tư hàng hóa				141.545.455			
b	Dịch vụ				-			
18	Công ty than Dương Huy				1.101.710.400			
a	Vật tư hàng hóa				1.101.710.400			
b	Dịch vụ				-			
19	Công ty Than Đèo Nai				11.548.589.481			
a	Vật tư hàng hóa				11.548.589.481			
b	Dịch vụ				-			
20	Công ty TNHH một thành viên than Khánh Hòa				77.046.364			
a	Vật tư hàng hóa				77.046.364			
b	Dịch vụ				-			
21	Công ty Than Na Dương				193.262.727			
a	Vật tư hàng hóa				193.262.727			
b	Dịch vụ				-			



BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ							Tổng
		131	138	311	331	335	336	341	
A	B	1	2	3	4	5	7	6	7
A	NỢ PHẢI THU	116.370.005.174	171.569.595	-	190.454.387	-	110.171.600	-	116.842.200.756
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	116.370.005.174	171.569.595	-	190.454.387	-	110.171.600	-	116.842.200.756
1	Công ty kinh doanh bất động sản -TKV	1.613.000							1.613.000
2	Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	753.476.731							753.476.731
3	Cty CP địa chất và khoáng sản - vinacomin	112.351.203							112.351.203
4	Công ty CP Đồng tá Phời - Vinacomin	6.732.399.459							6.732.399.459
5	Công ty CP Phát triển Khoáng sản 4	89.841.897							89.841.897
6	Công ty Cổ phần than Cao Sơn	200.754.000							200.754.000
7	CN tập đoàn CN Than -KSS VN Công ty kho vận đá Bạc - Vinacomin	426.394.919							426.394.919
8	Công ty than Dương Huy	1.211.881.440							1.211.881.440
9	Công ty Than Đèo Nai	3.242.825.457							3.242.825.457
10	Công ty TNHH một thành viên than Hòn Gai- vinacomin	250.704.000							250.704.000
11	Tổng Công ty Điện lực -Vinacomin	43.758.649							43.758.649
12	Công ty CP than điện vùng Sơn - Vinacomin	6.325.688							6.325.688
13	Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	60.954.371.960					110.171.600		61.064.543.560
14	Công ty CP sản xuất và TM than Uông Bí				50.890.964				50.890.964
15	Công ty tư vấn QLDADTXD - TKV		37.676.040		79.281.991				116.958.031
16	Công ty TNHH NN MTV Kim loại màu Thái nguyên	321.700.000							321.700.000
17	Công ty CP đất hiếm Lai Châu - Vimico	226.392.985							226.392.985
18	Công ty cổ phần Kim loại màu Tuyên Quang	8.958.755.009							8.958.755.009
19	Chi nhánh Công ty CP Kim loại màu Tuyên Quang - XN Thiếc Sơn Dương	73.920.000							73.920.000
20	Công ty Hóa chất mỏ Việt Bắc-CN Bắc Kạn				57.035.000				57.035.000
21	Công ty TNHH MTV Than Hạ Long - Vinacomin	2.754.908.032							2.754.908.032
22	Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin	5.835.669.295							5.835.669.295



TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ									
		131	138	311	331	335	336	341	Cộng		
A	B	1	2	3	4	5	7	6	7		
23	Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin	15.263.652.155							15.263.652.155		
24	Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin	1.036.800.000							1.036.800.000		
25	Công ty TNHH MTV Than Ưông Bí - Vinacomin	3.967.115.331							3.967.115.331		
26	Trung tâm XNK và HTTD - Cty CNM Việt bắc-TKV		133.893.555						133.893.555		
27	Xi nghiệp địa chất trắc địa Đông Triều	669.988.000							669.988.000		
28	Xi nghiệp địa chất Cẩm Phả	182.729.734							182.729.734		
29	Công ty TNHH MTV địa chất mỏ - Vinacomin	3.051.676.230							3.051.676.230		
29	Công ty Công nghiệp địa chất mỏ Việt bắc				3.246.432				3.246.432		
II CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN											
B NỢ PHẢI TRẢ											
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	2.102.219	-	26.042.549.036	41.498.399	4.743.049	-	11.088.011.570	29.673.904.273		
1	Công ty tư vấn QLDADTXD - TKV	2.102.219	-	26.042.549.036	41.498.399	4.743.049	-	-	26.090.892.703		
2	Công ty TNHH MTV địa chất mỏ - Vinacomin	2.102.219			41.498.399				2.102.219	41.498.399	
3	Công ty TNHH MTV Tài chính Than - Khoáng sản Việt Nam (TCTKV)			26.042.549.036		4.743.049			26.047.292.085		
II CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN											
1	Công ty TNHH ITV Tài chính Than - Khoáng sản Việt Nam (TCTKV)							11.088.011.570	3.583.011.570		
2	TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc								7.505.000.000		
CỘNG											
		116.372.107.393	171.569.595	26.042.549.036	231.952.786	4.743.049	110.171.600	11.088.011.570	146.516.105.029		

KẾ TOÁN TRƯỞNG

baul

Đỗ Thị Minh Nguyệt

M.S.D.N: 0100944595-Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2013

